

Số: 310 /CDN

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2018

“V/v báo cáo kết quả hoạt động CĐ năm 2018,
phương hướng, nhiệm vụ năm 2019”

**Kính gửi: - Các Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở
- Các Công đoàn cơ sở trực thuộc.**

Thực hiện kế hoạch công tác năm 2018, Công văn số 2140/TLĐ ngày 26/10/2018 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về hướng dẫn tổng kết công tác Công đoàn năm 2018, nhiệm vụ trọng tâm năm 2019; Công đoàn Nông nghiệp và PTNT Việt Nam đề nghị các công đoàn tổng công ty, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, công đoàn cơ sở trực thuộc xây dựng Báo cáo kết quả hoạt động công đoàn năm 2018, phương hướng, nhiệm vụ năm 2019. Bên cạnh việc đánh giá kết quả đạt được trên các mặt công tác, những hoạt động thường xuyên, định kỳ của năm, đề nghị tập trung đánh giá 10 vấn đề lớn sau:

1. Những diễn biến mới của tình hình công nhân, viên chức, lao động có tác động đến phong trào công nhân và hoạt động công đoàn; đặc biệt là tình hình quan hệ lao động

2. Công tác tuyên truyền, triển khai Nghị quyết Đại hội công đoàn các cấp; Đại hội V Công đoàn Nông nghiệp và PTNT Việt Nam, Đại hội XII Công đoàn Việt Nam,

Công tác tuyên truyền về kết quả Đại hội Công đoàn các cấp và Đại hội V Công đoàn Việt Nam, Đại hội XII Công đoàn Việt Nam. Việc triển khai, cụ thể hóa nội dung Nghị quyết trong chương trình công tác của đơn vị.

3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ đại diện, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của đoàn viên, người lao động; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp, việc tham gia giải quyết tranh chấp lao động và ngừng việc tập thể

4. Hoạt động chăm lo lợi ích của đoàn viên, người lao động

- Đánh giá kết quả triển khai thực hiện "Chương trình phúc lợi cho đoàn viên và người lao động" trong đó lưu ý làm rõ kết quả đạt được trong năm 2018. Cụ thể:

+ Việc ký kết và phối hợp với các đối tác để triển khai các thỏa thuận hợp tác (nếu có).

+ Số lượng đoàn viên, người lao động được thụ hưởng các ưu đãi từ các hoạt động chăm lo.

- + Mô hình mới, cách làm hiệu quả trong triển khai thực hiện chương trình
- Kết quả thực hiện Nghị quyết 7c/NQ-BCH ngày 25/02/2016 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn về chất lượng bữa ăn ca của người lao động.

5. Kết quả tổ chức các phong trào thi đua chào mừng Đại hội V Công đoàn Nông nghiệp và PTNT Việt Nam và Đại hội XII Công đoàn Việt Nam.

6. Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch số 07/KH-TLĐ ngày 22/02/2018 của Tổng Liên đoàn về việc tổ chức Tháng Công nhân năm 2018 với chủ đề “Mỗi công đoàn cơ sở, một lợi ích đoàn viên”

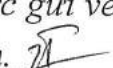
7. Công tác phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở

8. Công tác tài chính

Đánh giá kết quả thực hiện các quy định mới của Tổng Liên đoàn về công tác tài chính nhất là việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 9c/NQ-BCH ngày 18/10/2016 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn¹ và thu kinh phí công đoàn khu vực sản xuất kinh doanh qua tài khoản của Tổng Liên đoàn.

9. Những kiến nghị, đề xuất với Bộ Nông nghiệp, Công đoàn Nông nghiệp và PTNT Việt Nam, Tổng Liên đoàn: đặc biệt cơ chế, chính sách đối với người lao động và hoạt động công đoàn (kèm theo giải trình cụ thể).

10. Ngoài những nội dung nêu trên, đề nghị các đơn vị tập trung đánh giá những cách làm hay, cách làm sáng tạo hoặc những mô hình hoạt động hiệu quả, kết quả nổi bật tại đơn vị (có các số liệu chứng minh cụ thể) để Công đoàn Ngành nghiên cứu lựa chọn, nhân rộng các điển hình.

Dự thảo Báo cáo gửi về Văn phòng Công đoàn Nông nghiệp và PTNT Việt Nam chậm nhất ngày 08/11/2018, tại địa chỉ hộp thư: congdoannongnghiep@gmail.com kèm Bảng số liệu thống kê theo quy định (cập nhật mục văn bản trên website Công đoàn Nông nghiệp và PTNT Việt Nam) *Số liệu thống kê tính đến hết ngày 30/10/2018*). Báo cáo chính thức gửi về Công đoàn Nông nghiệp và PTNT Việt Nam theo đúng thời gian quy định. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực CĐN (b/c);
- Lưu: VT, Tổng hợp.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ TỊCH**



¹ Về điều chỉnh giảm tỉ trọng chi hành chính, hoạt động phong trào tại các cấp công đoàn để tạo nguồn kinh phí đầu tư cho đầu tư xây dựng các thiết chế của Công đoàn tại các khu công nghiệp, khu chế xuất.

Công đoàn cấp trên :

Đơn vị báo cáo :

MẪU SỐ 1-HĐCD
(Dùng cho công đoàn cơ sở
và nghiệp đoàn)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ

NĂM : 2018

(Số liệu tính từ ngày : □ 01/01 - □ 30/10)

A- SỐ LIỆU

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	I. Tình hình lao động			
	1. Lao động			
1	Tổng số lao động	người		
2	- Trong đó: nữ	“		
	2. Việc làm			
3	Số lao động thiếu việc làm	người		
4	- Trong đó: nữ	“		
	3. Tiền lương			
5	Tiền lương bình quân tháng của 1 người lao động	đồng		
	+ Số người được tính	người		
6	Tổng số tiền doanh nghiệp còn nợ lương người lao động	đồng		
	4. Nhà ở			
7	Số người được nhà nước, cơ quan, doanh nghiệp bố trí nhà ở	người		
8	Số người phải tự thuê nhà ở	“		
	5. Thực hiện hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp			
9	Số lao động được ký hợp đồng lao động	người		
10	Số lao động được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	người		
	6. Tranh chấp lao động tập thể, đình công			
11	Tổng số vụ tranh chấp lao động tập thể, đình công đã xảy ra	vụ		
	Nguyên nhân tranh chấp lao động tập thể, đình công:			
12	+ Về quyền	vụ		
13	+ Về lợi ích	“		
14	+ Về quyền và lợi ích	“		
15	+ Về các nguyên nhân khác	“		
	7. Công tác an toàn, vệ sinh lao động			
16	Tổng số vụ tai nạn lao động	vụ		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
17	- Trong đó: Tai nạn chết người	“		
18	Số người bị tai nạn lao động	người		
19	- Trong đó : Số người chết	“		
20	Số người mắc bệnh nghề nghiệp	“		
	8. Thỏa ước lao động tập thể			
21	Đơn vị có thỏa ước lao động tập thể	có/không		
	9. Thực hiện quy chế dân chủ			
22	Đơn vị có tổ chức hội nghị người lao động hoặc hội nghị cán bộ, công chức	có/không		
23	Đơn vị có tổ chức đối thoại tại nơi làm việc với người lao động	“		
24	Đơn vị có ban Thanh tra nhân dân	“		
25	Đơn vị có quy chế dân chủ	“		
	II. Chăm lo, bảo vệ lợi ích cho đoàn viên và người lao động			
26	Số đoàn viên và người lao động có hoàn cảnh khó khăn, ốm đau được công đoàn hỗ trợ, thăm hỏi	người		
27	Số tiền hỗ trợ, thăm hỏi	đồng		
28	Số đoàn viên và người lao động được khám sức khỏe định kỳ	người		
29	Số đoàn viên và người lao động bị xâm phạm về quyền, lợi ích được công đoàn cơ sở đứng ra bảo vệ	người		
	III. Công tác thi đua			
	1. Sáng kiến			
30	Số sáng kiến được công nhận	sáng kiến		
31	Giá trị làm lợi	đồng		
32	Tiền thưởng sáng kiến	“		
	2. Công trình, sản phẩm thi đua			
33	Số công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	CT, SP		
34	Giá trị công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	đồng		
	IV. Công tác tuyên truyền, giáo dục			
	1. Tuyên truyền, giáo dục			
35	Số cuộc tuyên truyền, phổ biến chỉ thị, nghị quyết, chính sách, pháp luật... do công đoàn tổ chức	cuộc		
36	Số đoàn viên và người lao động được học tập, tuyên truyền, phổ biến các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, các Nghị quyết của Công đoàn	người		
	2. Văn hoá, thể thao			

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
37	Số cuộc hội thao, hội diễn văn nghệ do công đoàn chủ trì hoặc tham gia tổ chức	cuộc		
38	Số lượt người tham gia	người		
	3. Học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp			
39	Số đoàn viên và người lao động được học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp	người		
40	- Trong đó: nữ	“		
	4. Công đoàn giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng			
41	Số đoàn viên công đoàn ưu tú được công đoàn cơ sở giới thiệu cho tổ chức Đảng	người		
42	Số đoàn viên công đoàn ưu tú do công đoàn cơ sở giới thiệu được kết nạp vào Đảng	người		
	V. Công tác nữ công			
43	Số người đạt danh hiệu “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”	“		
44	Số ủy viên Ban nữ công quần chúng	“		
	VI. Đoàn viên, cán bộ công đoàn			
45	Tổng số đoàn viên công đoàn	người		
46	- Trong đó : nữ	“		
47	Số cán bộ công đoàn chuyên trách	“		
48	- Trong đó : nữ	“		
49	Số cán bộ công đoàn không chuyên trách	“		
50	- Trong đó : nữ	“		

B- CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC :

C- ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ :

Ngày tháng năm 2018

TM. BAN CHẤP HÀNH

.....

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
----	----------	-------------	----------	---------

Công đoàn cấp trên :

Đơn vị báo cáo :

MẪU SỐ 2-HCĐ
(Dùng cho công đoàn cấp trên trực
tiếp cơ sở, Liên đoàn lao động tỉnh,
thành phố, công đoàn ngành trung
ương và tương đương)

BÁO CÁO TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN

NĂM : 2018

(Số liệu tính đến ngày : ☐ 1/1 ☐ 31/10)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I. Tình hình lao động			
1. Lao động			
1	Tổng số lao động	người	0
	- Trong đó : nữ	“	0
2. Việc làm			
2	Số lao động thiếu việc làm	người	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%	0.00
3	Số lao động nữ thiếu việc làm	người	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động nữ	%	0.00
3. Tiền lương			
4	Tiền lương bình quân tháng của 1 người lao động	đồng	0
	+ Số người được tính	người	0
5	Tiền lương bình quân tháng của 1 người lao động trong các cơ quan hành chính nhà nước	đồng	0
	+ Số người được tính	người	0
6	Tiền lương bình quân tháng của 1 người lao động trong các đơn vị sự nghiệp	đồng	0
	+ Số người được tính	người	0
7	Tiền lương bình quân tháng của 1 người lao động trong các doanh nghiệp nhà nước	đồng	0
	+ Số người được tính	người	0
8	Tiền lương bình quân tháng của 1 người lao động trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước	đồng	0
	+ Số người được tính	người	0
9	Tiền lương bình quân tháng của 1 người lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	đồng	0
	+ Số người được tính	người	0
10	Số doanh nghiệp còn nợ lương người lao động	DN	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số doanh nghiệp	%	0.00
11	Tổng số tiền lương doanh nghiệp còn nợ người lao động	đồng	0
4. Nhà ở			
12	Số người được nhà nước, cơ quan, doanh nghiệp bố trí nhà ở	người	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%	0.00
13	Số người phải tự thuê nhà ở	người	0

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%	0.00
	5. Thực hiện hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp		
14	Số lao động được ký hợp đồng lao động	người	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%	0.00
15	Số lao động được đóng BHXH, BHYT, BHTN	người	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%	0.00
16	Số doanh nghiệp nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN	DN	
	+ Tỷ lệ so với tổng số doanh nghiệp	%	
17	Số tiền doanh nghiệp nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN	đồng	
	6. Tranh chấp lao động tập thể, đình công		
18	Tổng số vụ tranh chấp lao động tập thể, đình công đã xảy ra	vụ	0
	- Chia theo loại hình doanh nghiệp:		
19	+ Doanh nghiệp nhà nước	vụ	0
20	+ Doanh nghiệp ngoài nhà nước	“	0
21	+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	“	0
	- Chia theo nguyên nhân tranh chấp lao động tập thể, đình công:		
22	+ Về quyền	vụ	0
23	+ Về lợi ích	“	0
24	+ Về quyền và lợi ích	“	0
25	+ Về các nguyên nhân khác	“	0
	7. Công tác an toàn, vệ sinh lao động		
26	Tổng số vụ tai nạn lao động	vụ	0
	- Chia theo loại hình doanh nghiệp:		
27	+ Doanh nghiệp nhà nước	vụ	0
28	+ Doanh nghiệp ngoài nhà nước	“	0
29	+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	“	0
30	Số vụ tai nạn chết người	“	0
	- Chia theo loại hình doanh nghiệp:		
31	+ Doanh nghiệp nhà nước	vụ	0
32	+ Doanh nghiệp ngoài nhà nước	“	0
33	+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	“	0
34	Số người chết	người	0
35	Số người mắc bệnh nghề nghiệp	“	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%	0.00
	8. Thỏa ước lao động tập thể		
36	Số doanh nghiệp có thỏa ước lao động tập thể	doanh nghiệp	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số doanh nghiệp	%	0.00
37	Số doanh nghiệp nhà nước có thỏa ước lao động tập thể	doanh nghiệp	0

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
	+ Tỷ lệ so với tổng số doanh nghiệp nhà nước	%	0.00
38	Số doanh nghiệp ngoài nhà nước có tổ chức công đoàn có thỏa ước lao động tập thể	doanh nghiệp	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số doanh nghiệp ngoài nhà nước	%	0.00
39	Số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có tổ chức công đoàn có thỏa ước lao động tập thể	doanh nghiệp	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	%	0.00
	9. Thực hiện quy chế dân chủ		
40	Số cơ quan hành chính nhà nước có tổ chức hội nghị cán bộ, công chức	đơn vị	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số cơ quan hành chính nhà nước	%	0.00
41	Số đơn vị sự nghiệp công lập có tổ chức hội nghị cán bộ, công chức	đơn vị	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số đơn vị sự nghiệp công lập	%	0.00
42	Số doanh nghiệp nhà nước có tổ chức hội nghị người lao động	doanh nghiệp	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số doanh nghiệp nhà nước	%	0.00
43	Số công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có tổ chức hội nghị người lao động	doanh nghiệp	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn	%	0.00
44	Số doanh nghiệp có tổ chức đối thoại tại nơi làm việc với người lao động	doanh nghiệp	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số doanh nghiệp	%	0.00
45	Số đơn vị có ban Thanh tra nhân dân	đơn vị	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số đơn vị	%	0.00
46	Số đơn vị có quy chế dân chủ	đơn vị	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số đơn vị	%	0.00
II. Chăm lo, bảo vệ lợi ích cho đoàn viên và người lao động			
47	Số trung tâm, văn phòng, tổ tư vấn pháp luật thuộc công đoàn cấp tỉnh, ngành	đơn vị	
48	Số người được tư vấn	người	
49	Số người được bảo vệ tại tòa án	người	
50	Số đoàn viên và người lao động có hoàn cảnh khó khăn, ốm đau được công đoàn hỗ trợ, thăm hỏi	người	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%	0.00
51	Số tiền hỗ trợ, thăm hỏi	đồng	0
52	Số đoàn viên và người lao động được khám sức khỏe định kỳ	người	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%	0.00
53	Số đoàn viên và người lao động bị xâm phạm về quyền, lợi ích được công đoàn bảo vệ	người	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%	0.00

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
III. Công tác thi đua			
	1. Sáng kiến		
54	Số đơn vị có sáng kiến	đơn vị	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số đơn vị	%	0.00
55	Số sáng kiến được công nhận	sáng kiến	0
56	Giá trị làm lợi	đồng	0
57	Tiền thưởng sáng kiến	“	0
	2. Công trình sản phẩm thi đua		
58	Số công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	CT, SP	0
59	Giá trị công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	đồng	0
	3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua”		
60	Cấp cơ sở	người	
61	- Trong đó : nữ	“	
62	Cấp tỉnh, thành phố, bộ, ngành Trung ương, TLĐ	“	
63	- Trong đó : nữ	“	
64	Cấp toàn quốc	“	
65	- Trong đó : nữ	“	
	4. Danh hiệu “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”		
66	Số người đạt danh hiệu “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”	người	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động nữ	%	0.00
IV. Công tác tuyên truyền, giáo dục			
	1. Tuyên truyền, giáo dục		
67	Số công đoàn cơ sở có tổ chức hoạt động tuyên truyền giáo dục	CĐCS	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số công đoàn cơ sở	%	0.00
68	Số cuộc tuyên truyền, phổ biến chỉ thị, nghị quyết, chính sách, pháp luật... do công đoàn tổ chức	cuộc	0
69	Số đoàn viên và người lao động được học tập, tuyên truyền, phổ biến các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, các Nghị quyết của Công đoàn	người	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%	0.00
	2. Văn hoá, thể thao		
70	Số công đoàn cơ sở có tổ chức hoạt động văn hoá, thể thao	CĐCS	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số công đoàn cơ sở	%	0.00
71	Số cuộc hội thao, hội diễn văn nghệ do công đoàn chủ trì hoặc tham gia tổ chức	cuộc	0
72	Số lượt người tham gia	người	0
	3. Học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp		
73	Số đoàn viên và người lao động được học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp	người	0

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%	0.00
74	Số đoàn viên và người lao động là nữ được học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp	người	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động nữ	%	0.00
	4. Công đoàn giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng		
75	Số công đoàn cơ sở có giới thiệu đoàn viên công đoàn ưu tú cho tổ chức Đảng	CĐCS	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số công đoàn cơ sở	%	0.00
76	Số đoàn viên công đoàn ưu tú được công đoàn cơ sở giới thiệu cho tổ chức Đảng	người	0
77	Số đoàn viên công đoàn ưu tú do công đoàn cơ sở giới thiệu được kết nạp vào Đảng	người	0
	V. Công tác nữ công		
78	Số công đoàn cơ sở có ban nữ công quần chúng	CĐCS	0
	- Tỷ lệ so với tổng số công đoàn cơ sở	%	0.00
79	Tổng số uỷ viên ban nữ công quần chúng	người	0
	VI. Hoạt động xã hội		
	1. Quỹ quốc gia hỗ trợ giải quyết việc làm do tổ chức công đoàn quản lý		
80	Số vốn đang sử dụng	đồng	
81	Số người được hỗ trợ giải quyết việc làm	người	
	2. Quỹ trợ vốn cho lao động nghèo tự tạo việc làm		
82	Số tiền cho vay	đồng	
83	Số người được vay vốn	người	
	3. Quỹ “Mái ấm công đoàn” do tổ chức công đoàn quản lý		
84	Số tiền đã sử dụng	đồng	
85	Số nhà “Mái ấm công đoàn”	nhà	
86	Số người được giúp đỡ	người	
	4. Quỹ “Vi nữ công nhân, lao động nghèo” do tổ chức công đoàn quản lý		
87	Số tiền cho vay	đồng	
88	Số người được giúp đỡ	người	
	5. Các loại quỹ khác do tổ chức công đoàn quản lý		
89	Số tiền đã sử dụng	đồng	
90	Số người được giúp đỡ	người	
	VII. Tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, chế độ		
91	Số cuộc công đoàn tham gia kiểm tra việc thực hiện chính sách, chế độ theo quy định pháp luật	cuộc	
92	Số cuộc công đoàn tham gia kiểm tra việc thực hiện chính sách, chế độ đối với lao động nữ	cuộc	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
VIII. Công tác tổ chức			
1. Đơn vị HCSN, doanh nghiệp			
93	Số đơn vị HCSN, doanh nghiệp đã đi vào hoạt động và có từ 30 lao động trở lên	“	
94	Số đơn vị HCSN, doanh nghiệp đã đi vào hoạt động và có từ 30 lao động trở lên đã thành lập công đoàn cơ sở	“	
2. Đoàn viên công đoàn			
95	Tổng số đoàn viên công đoàn	người	
96	Trong đó: + nữ	“	
97	Tổng số đoàn viên kết nạp mới	“	
98	Tổng số đoàn viên giảm	“	
99	Tổng số đoàn viên tăng (giảm) thực tế	“	
3. Tổ chức bộ máy công đoàn			
100	Số công đoàn cơ sở	CĐCS	
	Trong đó:		
101	- Cơ quan hành chính nhà nước	CĐCS	
102	- Đơn vị sự nghiệp công lập	“	
103	- Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập	“	
104	- Doanh nghiệp nhà nước	“	
105	- Doanh nghiệp ngoài nhà nước	“	
106	- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	“	
107	- Hợp tác xã	“	
108	Số nghiệp đoàn	ND	
109	Số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	đơn vị	
4. Cán bộ công đoàn			
110	Tổng số cán bộ công đoàn chuyên trách	người	
111	Trong đó: - Nữ	“	
	Chia ra:		
112	- Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương và tương đương	“	
113	- Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	“	
114	- Công đoàn cơ sở	“	
115	Tổng số cán bộ công đoàn không chuyên trách	“	
116	- Trong đó: Nữ	“	
117	Số cán bộ chủ chốt công đoàn các cấp	“	
118	- Trong đó: Nữ	“	
119	Số cán bộ nữ công công đoàn cấp trên cơ sở	“	
5. Công tác đào tạo, bồi dưỡng			
120	Tổng số cán bộ công đoàn chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn	người	
121	- Trong đó: Nữ	“	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
122	Tổng số cán bộ công đoàn không chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn	“	
123	Số cán bộ chủ chốt công đoàn các cấp được bồi dưỡng, tập huấn nội dung về bình đẳng giới, lồng ghép giới	“	
	- Tỷ lệ so với tổng số cán bộ công đoàn chủ chốt	%	
124	Số cán bộ nữ công đoàn cấp trên cơ sở được bồi dưỡng, tập huấn nội dung về bình đẳng giới, lồng ghép giới	người	
	- Tỷ lệ so với tổng số cán bộ nữ công đoàn cấp trên cơ sở	%	
6. Kết quả xếp loại công đoàn cơ sở vững mạnh			
125	Tỷ lệ công đoàn cơ sở các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước đạt tiêu chuẩn “Công đoàn cơ sở vững mạnh”	%	
126	Tỷ lệ công đoàn cơ sở khu vực ngoài nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt tiêu chuẩn “Công đoàn cơ sở vững mạnh”	“	

Ngày tháng năm 2018

TM. BAN THƯỜNG VỤ

....
